|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:  /2021/QĐ-UBND | *Kon Tum, ngày    tháng   năm 2021* |

**(Dự thảo)**

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội**

**dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên**

**địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số**[**53/2014/QĐ-UBND**](http://luattrongtay.vn/ViewFullText?DocumentNo=53/2014/Q%C4%90-UBND)**ngày 19/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

 ơ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ*[*Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013*](http://luattrongtay.vn/ViewFullText/DocumentNo/Lu%E1%BA%ADt%20%C4%90%E1%BA%A5t%20%C4%91ai%20ng%C3%A0y%2029%20th%C3%A1ng%2011%20n%C4%83m%202013/SubDocumentNo/Lu%E1%BA%ADt%20%C4%90%E1%BA%A5t%20%C4%91ai%20ng%C3%A0y%2029%20th%C3%A1ng%2011%20n%C4%83m%202013)*;*

*Căn cứ Nghị định số*[*47/2014/NĐ-CP*](http://luattrongtay.vn/ViewFullText?DocumentNo=47/2014/N%C4%90-CP)*ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số*[*43/2014/NĐ-CP*](http://luattrongtay.vn/ViewFullText?DocumentNo=47/2014/N%C4%90-CP)*ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số*[*01/2017/NĐ-CP*](http://luattrongtay.vn/ViewFullText?DocumentNo=47/2014/N%C4%90-CP)*ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 1*[*48/2020/NĐ-CP*](http://luattrongtay.vn/ViewFullText?DocumentNo=47/2014/N%C4%90-CP)*ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số …*[*/TTr-STNMT*](http://luattrongtay.vn/ViewFullText?DocumentNo=545/TTr-STNMT)*ngày tháng năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số [53/2014/QĐ-UBND](http://luattrongtay.vn/ViewFullText?DocumentNo=53/2014/Q%C4%90-UBND)ngày 19/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum như sau:

**1. Bổ sung Khoản 3 Điều 6 như sau:**

3. Xác định khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình:

a. Tỷ lệ (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình:

- Đối với nhà, công trình có tỷ lệ % còn lại lớn hơn 90% thì tỷ lệ (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 0%.

- Đối với nhà, công trình có tỷ lệ % còn lại lớn hơn 60% và nhỏ hơn hoặc bằng 90% thì tỷ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 10%.

- Đối với nhà, công trình có tỷ lệ % còn lại lớn hơn 30% và nhỏ hơn hoặc bằng 60% thì tỷ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 20%.

- Đối với nhà, công trình có tỷ lệ % còn lại nhỏ hơn hoặc bằng 30% thì tỷ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 30%”

b. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan thực hiện đánh giá giá trị hiện có của công trình (tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại của nhà, công trình đó theo đúng quy định nhân (x) với giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương) và khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình theo quy định nêu trên, làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hoàn thiện phương án trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

**2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 8 như sau:**

**a. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng (-) thứ 3 Điểm a Khoản 1 như sau:**

Người bị thu hồi đất ở, không còn chỗ ở khác; trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới, nếu không được bố trí chỗ ở tạm thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian 06 tháng như sau:

- Mức hỗ trợ trên địa bàn thành phố Kon Tum: 1.600.000đ/tháng/01 hộ gia đình

- Mức hỗ trợ trên địa bàn thị trấn: 1.200.000đ/tháng/01 hộ gia đình.

- Mức hỗ trợ trên địa bàn các xã thuộc các huyện: 1.000.000đ/tháng/01 hộ gia đình.

**b. Sửa đổi Điểm a Khoản 2 Điều 8 của Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum và được sửa đổi tại Quyết định** **số 20/2015/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:**

a. Đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở mà không có chổ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được giao đất ở hoặc nhà ở tái định cư. Khi hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền bồi thường về đất nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu thì được hỗ trợ khoản tiền chênh lệch đó. Suất tái định cư tối thiểu được xác định như sau:

**-** Suất tái định cư bằng nhà ở có diện tích là 15m2/người nhưng tối thiểu không nhỏ hơn 40 m2/hộ và tối đa không quá 100 m2/hộ. Giá m2 nhà ở theo đơn giá của UBND tỉnh tại thời điểm hỗ trợ;

**-** Suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở có diện tích là 100 m2 ;

- Suất tái định cư tối thiểu bằng tiền được xây dựng bằng suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở nhân với đơn giá đất nơi bố trí tái định cư.

**c. Sửa đổi, bổ sung Điểm c Khoản 3 như sau:**

c) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp, hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó thì được hỗ trợ ổn định đời sống và áp dụng thực hiện như sau:

- Thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

Đối với trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng;

- Diện tích đất thu hồi theo quy định nêu trên được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền;

- Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu theo quy định nêu trên được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương.

**d.** **Sửa đổi, bổ sung Điểm d Khoản 3 như sau:**

Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp. Mức hỗ trợ như sau:

**- Mức hỗ trợ 6.000.000 đồng/01ha**

**đ. Bãi bỏ Khoản 4 Quy định về hỗ trợ khác; Bổ sung Khoản 4 mới như sau:** Quy định mức hỗ trợ bằng tiền đối với việc hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm cho người lao động trong độ tuổi lao động, có nhu cầu đào tạo nghề, giải quyết việc làm khi hộ gia đình bị thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ bằng tiền, mức hỗ trợ căn cứ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 chương II Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ Tướng Chính phủ quy định về hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Nguồn kinh phí hỗ trợ được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ Tướng Chính phủ quy định về hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

**Điều 2.** Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum;Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum.

**Điều 3. Quy định chuyển tiếp**

1. Các trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất, đã Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ nhưng chưa tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thì thực hiện chi trả theo Phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt.

2. Các trường hợp chưa có Quyết định thu hồi đất, chưa phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì thực hiện theo Quyết định này.

**Điều 4. Hiệu lực trách nhiệm thi hành.**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2021 và thay thế Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Bộ Tư pháp (Cục KT văn bản QPPL); - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; - Thường trực Tỉnh ủy; - Thường trực HĐND tỉnh; - Mặt trận tổ Quốc Việt Nam tỉnh; - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; - Như Điều 4; - Báo Kon Tum; - Đài PT&TH tỉnh Kon Tum; - Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh; - Chi cục Văn thư lưu trữ tỉnh; - Lưu: VT, NNTN2 | **TM.ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH**  **Lê Ngọc Tuấn** |
|  |  |